

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM AN NINH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

SOME FEATURES OF INTERNATIONAL SECURITY IN THE POST-COLD WAR ERA

Trần Thị Thu

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; ttthu@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế nhưng thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh lại phải đối mặt đồng thời với ngày càng nhiều thách thức an ninh phức tạp. Có thể nhận thấy các mối đe dọa về an ninh quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh có xu hướng gia tăng về số lượng, đa dạng hơn về nguyên nhân và biểu hiện, diễn biến phức tạp và khó lường hơn, với sự lan tỏa nhanh và tính cộng hưởng giữa các nguy cơ ngày càng rõ, do đó khó kiểm soát và khó giải quyết hơn so với các thách thức an ninh quốc tế trong các giai đoạn lịch sử trước đó. Trên cơ sở đề cập tới sự thay đổi trong nhận thức của Việt Nam cũng như trên thế giới về khái niệm an ninh thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, bài viết sẽ tập trung phân tích một số đặc điểm nổi bật của an ninh quốc tế thời kỳ này.

Từ khóa - an ninh quốc tế; xung đột vũ trang; an ninh phi truyền thống; các mối đe dọa về an ninh; hậu Chiến tranh Lạnh

Abstract - Although peace, cooperation and development are the prevailing tendency of international relations, the post-Cold War world has been simultaneously facing more and more complex security challenges. It is noticeable that international security threats in the post-Cold War era have a growing tendency to increase in number, are more diverse in causes and manifestations, more complicated and unpredictable, with rapid spillover and resonance between the risks getting increasingly clear. Then the international security threats in post-Cold War era are more difficult to control and address than those in previous periods. The research paper will mention changes in perception of Vietnam as well as of the world about the concept of international security in the post-Cold War era and focus on analyzing some salient features of international security in this period.

Key words - international security; armed conflict; non-traditional security; security threats; post-Cold War era

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XX đi vào lịch sử với hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu, một cuộc chiến tranh lạnh cùng rất nhiều cuộc xung đột vũ trang trên phạm vi toàn cầu. Sự chấm dứt Chiến tranh Lạnh đã làm sống lại hy vọng của nhân loại về một “nền hòa bình vĩnh viễn” như Immanuel Kant từng mơ ước. Thế nhưng, niềm hy vọng này đã nhanh chóng bị lung lay bởi sự bùng phát của rất nhiều cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ với những nguyên nhân ngày càng đa dạng và phức tạp, và bạo lực tiếp tục được sử dụng trong quan hệ quốc tế. Không những thế, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, sự nghèo đói, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thảm họa thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, khủng hoảng di cư, ... cũng đang là những thách thức trực tiếp đối với sự an nguy của mỗi quốc gia dân tộc cũng như của toàn nhân loại.

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996), phần nhận định về đặc điểm tình hình thế giới, có nêu: “*Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi*” [1]. Bước sang thế kỷ XXI, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001), Việt Nam đã dự báo: “*Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng*” [2, tr.14]. Và đến Đại hội XI (năm 2011), Việt Nam nhận định là: “*Năm năm qua, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức*

tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn thế giới” [3].

Những nhận định trên của Việt Nam về tình hình thế giới đã phản ánh một hiện thực là sau Chiến tranh Lạnh, mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế nhưng thế giới không hòa bình hơn trước. Ngược lại, môi trường quốc tế thời hậu Chiến tranh Lạnh ngày càng trở nên bất ổn với những mối đe dọa về an ninh quốc tế có xu hướng gia tăng về số lượng, đa dạng hơn về nguyên nhân và biểu hiện, diễn biến phức tạp và khó lường hơn, nên khó kiểm soát và khó giải quyết hơn so với các thách thức về an ninh ở những giai đoạn lịch sử trước.

2. Sự mở rộng của khái niệm an ninh sau Chiến tranh Lạnh

Trong bối cảnh thế giới đương đại, khi loài người vẫn tiếp tục phải đối mặt với những mối đe dọa về quân sự, thì lại xuất hiện thêm nhiều yếu tố mới đe dọa đến an ninh con người và an ninh quốc gia như: Khủng bố, tình trạng nghèo đói, dịch bệnh lây lan nhanh ở người và động vật, biến đổi khí hậu, buôn bán ma túy, buôn bán người, di cư xuyên biên giới, tội phạm mạng, ... Thực tế này đã thôi thúc dẫn tới những thay đổi trong nhận thức về an ninh trên thế giới.

Khái niệm an ninh trước đây được hiểu khá hẹp, chỉ liên quan tới nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia hay những giá trị cốt lõi của nhà nước. Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, thế giới bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới việc xem xét và định nghĩa lại khái niệm an ninh. Một số cách tiếp cận mới về an ninh như: “an ninh hợp tác”, “an ninh chung”, “an ninh toàn diện”, “an ninh tùy thuộc”, “an ninh con người” ... hay việc phân loại các vấn đề “an ninh truyền thống” và “an ninh phi truyền thống” đã thể hiện sự thay đổi tư duy về an ninh thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, thu hút được sự quan tâm đáng kể của

giới học giả cũng như những nhà hoạch định chính sách. Điều đó làm cơ sở cho việc xác định những mối đe dọa về an ninh và theo đó là biện pháp để phòng ngừa và giải quyết các thách thức về an ninh.

Theo quan niệm trước đây, quốc gia - dân tộc là đối tượng tham chiếu hàng đầu trong các khái niệm an ninh. Sau Chiến tranh Lạnh, Báo cáo Phát triển nhân lực của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) xuất bản năm 1994, đưa ra cách tiếp cận “an ninh con người” với nội hàm: (1) *An ninh kinh tế*; (2) *An ninh lương thực*; (3) *An ninh sức khỏe*; (4) *An ninh môi trường*; (5) *An ninh cá nhân*; (6) *An ninh cộng đồng*; và (7) *An ninh chính trị* [4, tr.48], đã coi con người cũng là đối tượng tham chiếu của an ninh, thay vì chỉ tập trung vào các vấn đề lãnh thổ hoặc chính phủ. Đặc biệt, trong bối cảnh từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, an ninh của đa số các quốc gia được tăng cường, trong khi đó, an ninh của con người trên thế giới bị suy giảm, thì cách tiếp cận mới này ngày càng được quan tâm hơn. Tuy vậy, cách tiếp cận này không phủ nhận vai trò của nhà nước cũng như các quan niệm truyền thống về an ninh quốc gia. Ngược lại, an ninh quốc gia và an ninh con người có sự liên hệ mật thiết với nhau, an ninh quốc gia không được đảm bảo sẽ làm nảy sinh những nguy cơ đối với an ninh con người. Còn trong các văn kiện của Mỹ, có ba phương diện an ninh sau được chú trọng nhất: (1) *An ninh môi trường*; (2) *An ninh năng lượng*; (3) *An ninh kinh tế* [5, tr.420]. Như vậy, các vấn đề môi trường, năng lượng và kinh tế đều bao gồm trong quan niệm an ninh, do đó, không chỉ dùng tiêu chuẩn quốc gia đơn thuần để xem xét vấn đề vì khuôn khổ của an ninh đã được mở rộng từ cơ sở quốc gia sang những phạm trù khác.

Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị Việt Nam (tháng 5/1988) đã đưa ra một cách tiếp cận an ninh mới, theo đó: “*sự yếu kém về mặt kinh tế, sự cô lập về mặt chính trị và cấm vận về kinh tế là các nguy cơ chính đối với an ninh và sự độc lập của đất nước chúng ta*”. Bộ Chính trị Việt Nam cho rằng, để đối phó với những nguy cơ đó, cần phải có sự kết hợp của các yếu tố sau – theo thứ tự tầm quan trọng – “*với một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hơn*” [6, tr.43]. Có thể nói, đây là một cách nhìn mới về an ninh của Việt Nam mang bản chất của cách tiếp cận an ninh toàn diện, đã được mở rộng từ khía cạnh quân sự sang bao hàm cả các khía cạnh về kinh tế và chính trị.

Diễn giải về an ninh toàn diện, trước đó, vào tháng 7 năm 1986, trong một hội nghị về an ninh quốc gia, Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad đã phát biểu: “*Khi chúng ta đề cập an ninh quốc gia, bức tranh đầu tiên hiện lên trong trí óc chúng ta là những người lính vũ trang đang đứng gác ở vị trí tiền tiêu hoặc chiến đấu trong rừng nhiệt đới... Nhưng an ninh không chỉ là khả năng quân sự. An ninh quốc gia không thể tách rời khỏi ổn định chính trị, thành công kinh tế và hòa hợp xã hội*” [7, tr.127]. Thủ tướng Malaysia cũng nhấn mạnh: “*Không có những thứ đó thì tất cả vũ khí trên thế giới cũng không thể bảo vệ được một nước khỏi các cuộc tấn công của kẻ thù, những kẻ đôi khi đạt được tham vọng của mình mà không cần nổ bất kỳ phát*

súng nào” [7, tr.127]. Cũng trong hội nghị về an ninh quốc gia đó, các học giả và chính khách Malaysia đã xác định “*các mối đe dọa đối với an ninh toàn diện bao gồm: nghiệp ma túy, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, di cư bất hợp pháp, tội phạm và đình trệ kinh tế*” [7, tr.129].

Trong bài viết có tựa đề “*An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại*” đăng tải lần đầu tiên trên Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế tháng 12/1993, Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã từng nhận định: “*Xưa kia, khi nói tới yêu cầu bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ người ta thường nghĩ nhiều tới mối nguy cơ từ bên ngoài. Ngày nay điều đó vẫn đúng, song không chỉ có vậy. Thực tiễn tình hình nhiều nước cho thấy nguy cơ đe dọa chủ quyền và an ninh quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ nằm ngay ở bên trong; nhiều khi không bị nước ngoài xâm lăng, song chủ quyền và an ninh vẫn bị rối loạn, lãnh thổ bị chia cắt*” [6, tr. 64-65]. Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan cũng cho rằng, những nguy cơ đối với an ninh quốc gia không chỉ nảy sinh từ các nhân tố chính trị - xã hội mà còn bắt nguồn từ chính những sai lầm trong chính sách về kinh tế, văn hoá, tôn giáo, sắc tộc [6, tr.65]. Nhận định trên của Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan là dự báo hết sức chính xác về căn nguyên của nhiều thách thức an ninh quốc tế nảy sinh trong bối cảnh thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh chuyển biến nhanh chóng và phức tạp khôn lường.

Có thể nói, kể từ giai đoạn cuối Chiến tranh Lạnh đến nay, khái niệm an ninh đã có một nội hàm toàn diện hơn, bao gồm cả an ninh quốc gia và an ninh con người. Do đó, những mối đe dọa về an ninh quốc tế cũng được nhìn nhận dưới nhiều góc độ hơn, mở rộng từ khía cạnh quân sự sang bao hàm cả các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị,... Các thách thức về an ninh không chỉ đến từ những nguy cơ bên ngoài mà có thể nảy sinh ngay từ những nguy cơ nội tại.

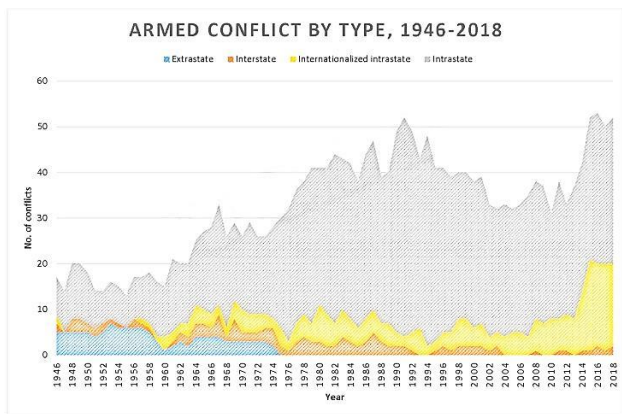
3. Một số đặc điểm an ninh quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh

3.1. Sự tiếp diễn của các cuộc xung đột vũ trang sau Chiến tranh Lạnh

Sau Chiến tranh Lạnh, trong bối cảnh toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, thế giới bước vào giai đoạn xu thế hợp tác và phát triển kinh tế là chủ đạo, đã và đang mang đến sự phồn thịnh cho nhiều quốc gia và khu vực trên phạm vi toàn cầu. Nguy cơ chiến tranh giữa các nước lớn bị đẩy lùi do tính phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các cường quốc tăng lên, sự phát triển của các thể chế quốc tế có khả năng phòng ngừa và điều hòa xung đột, tác động của các chuẩn mực quốc tế chống lại bạo lực,... Tuy nhiên, các xung đột vũ trang cục bộ, nội chiến vẫn tiếp diễn và có chiều hướng gia tăng trở lại trong một số năm gần đây.

Trung tâm Carter (The Carter Center) đã khắc họa bức tranh tổng thể về các cuộc xung đột trên thế giới kể từ năm 1945 tới những năm đầu thế kỷ XXI như sau: “*Số lượng các cuộc xung đột giữa các quốc gia đã giảm kể từ Chiến tranh thế giới thứ 2, nhưng đã có hơn 50 cuộc xung đột vũ trang lớn kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc vào cuối những năm 1980. Đó hầu hết đều là những xung đột nội bộ liên quan tới tôn giáo, dân tộc hoặc sắc tộc, hoặc khả năng tiếp cận với các nguồn lực thiên nhiên và kinh tế. Một số*

cuộc chiến gần đây là đẫm máu nhất, tàn khốc nhất thời hiện đại: Hơn năm triệu người thiệt mạng ở Cộng hòa Dân chủ Congo, hơn hai triệu người thiệt mạng ở Sudan và nạn diệt chủng ở Rwanda và Bosnia-Herzegovina. Năm 2008, trên thế giới có tới 16 cuộc xung đột vũ trang lớn tại 15 địa bàn khác nhau [8]. Báo cáo của Trung tâm Cater cũng chỉ ra, trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, số lượng các cuộc xung đột vũ trang lớn còn tiếp diễn trên phạm vi toàn cầu đã giảm, nhưng sự suy giảm là không đồng đều [8]. Từ kết quả nghiên cứu của Trung tâm Cater có thể thấy, các cuộc nội chiến và xung đột vũ trang cục bộ vì những lý do nội tại vẫn tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, trong số đó có nhiều cuộc nội chiến và xung đột rất đẫm máu, làm xuất hiện những cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn trong lịch sử quan hệ quốc tế thời hiện đại.



© UCDP 2019

Hình 1. Biểu đồ các loại hình xung đột vũ trang giai đoạn 1946-2018 [9]

Biểu đồ về số lượng các loại hình xung đột vũ trang giai đoạn 1946-2018 (Hình 1), thể hiện một trong những kết quả nghiên cứu của Dự án Dữ liệu Xung đột Uppsala (UCDP) của Đại học Uppsala, Thụy Điển. Hình thái biểu đồ trên cũng cho thấy, kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay, nếu số lượng các xung đột và chiến tranh giữa các quốc gia giảm thì các xung đột nội bộ và khu vực vẫn còn tiếp diễn dai dẳng và có chiều hướng tăng giảm phức tạp, đặc biệt trong số đó, có nhiều cuộc nội chiến đã bị quốc tế hóa.

Trong một cuốn giáo trình về xung đột quốc tế đã được tái bản nhiều lần, Giáo sư Joseph Nye (Đại học Harvard) đã nhận định: “Từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh đến đầu thế kỷ mới, trong số 111 xung đột xảy ra có đến 95 xung đột là các cuộc nội chiến đơn thuần và 9 xung đột khác là các cuộc nội chiến có sự can thiệp của bên ngoài, với sự tham gia của hơn 80 quốc gia, 2 tổ chức vùng và hơn 200 nhóm phi chính phủ” [10, tr.224-225]. Nhiều xung đột nội bộ đã bị quốc tế hóa, cho thấy, một thực tế nữa của nền chính trị thế giới sau Chiến tranh Lạnh là sự can thiệp của các nước lớn và các thể chế quốc tế vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Giữa các nước lớn sau Chiến tranh Lạnh vẫn tồn tại những mâu thuẫn về lợi ích cũng như sự cạnh tranh quyền lực. Song xung đột về lợi ích và quyền lực giữa các nước lớn lại bị đẩy sang khu vực “ngoại vi”, điển hình như sự can thiệp của Nga - Mỹ - Liên minh châu Âu (EU) trong cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014, và

Nga - Mỹ - Thổ Nhĩ Kỳ trong nội chiến Syria từ năm 2011 đến nay. Sự can thiệp của các nước lớn vào công việc nội bộ của các quốc gia khác đã làm phức tạp thêm tình hình, gia tăng các thách thức về an ninh và gây khó khăn cho việc tìm kiếm giải pháp. Sự can thiệp của Nga trong Chiến tranh Nam Ossetia năm 2008, hay của Mỹ và các nước phương Tây trong chuỗi sự kiện Mùa xuân Arab từ cuối năm 2011 đến nay, là những minh chứng rõ rệt cho điều này.

3.2. Sự lựa chọn công cụ quân sự nhằm đạt các mục tiêu chính sách sau Chiến tranh Lạnh

Trong khi xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh là hòa bình, hợp tác và phát triển, một số nước, đặc biệt là các nước lớn, vẫn tiếp tục lựa chọn chiến tranh như là một biện pháp chính sách đối ngoại quan trọng. Đã có những cuộc chiến tranh nóng nổ ra như: Chiến tranh Iraq (năm 1991 và 2003), Chiến tranh Afghanistan (2002), Chiến tranh Nga - Georgia (2008), ... Bên cạnh đó, nhiều nước vẫn ráo riết tăng cường lực lượng vũ trang và gia tăng chi tiêu cho quốc phòng dẫn tới xu hướng chạy đua vũ trang mới trên thế giới, đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng chạy đua vũ khí chiến lược.

Dưới lăng kính của các nhà hiện thực chủ nghĩa, chính trị quốc tế vẫn là địa hạt của sự tự cứu lấy mình, nơi mà các quốc gia phải đối diện với tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh và vũ lực đóng một vai trò đáng kể trong việc đảm bảo sự tồn vong của quốc gia. Chạy đua vũ trang là một trong những thách thức lớn đối với an ninh thế giới thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Bước sang giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, vấn đề này tiếp tục đe dọa nền hòa bình toàn cầu, nhất là khi khoa học công nghệ phát triển đã làm cho cuộc chạy đua nhằm hiện đại hóa và nâng cao năng lực quân sự của các cường quốc ngày càng trở nên quyết liệt hơn. Ngoài ra, các chương trình phát triển hạt nhân của một số nước như Ấn Độ, Pakistan, Iran, và điển hình là chương trình hạt nhân của Bắc Triều Tiên, trong nhiều năm trở lại đây, cũng gây ra những căng thẳng, thách thức nghiêm trọng môi trường an ninh ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, vũ lực cũng được các nhóm khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia thường xuyên sử dụng trong các cuộc tấn công, để lại những hậu quả thảm khốc về nhân mạng và vật chất, gieo rắc nỗi sợ hãi về tinh thần cho người dân vô tội ở nhiều quốc gia trên thế giới. Cuộc tấn công nước Mỹ ngày 11/9/2001 của lực lượng khủng bố al-Qaeda và rất nhiều cuộc tấn công khủng bố của al-Qaeda cũng như của Tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) tại các nước như Đức, Pháp, Bỉ, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia, Thái Lan,... trong nhiều năm trở lại đây là những bằng chứng cho thấy sự phổ biến của vũ lực trong quan hệ quốc tế đương đại. Sẽ là rất nguy hiểm cho an ninh thế giới nếu lực lượng khủng bố xuyên quốc gia có được vũ khí hủy diệt hàng loạt. Osama bin Laden khi còn sống và mạng lưới al-Qaeda đã từng nỗ lực liên hệ với các nhà khoa học hoạt động trong chương trình hạt nhân của Pakistan với tham vọng có được vũ khí chiến lược [10, tr.383]. Đồng thời, các hành động chống khủng bố và nhân danh chống khủng bố cũng làm gia tăng thêm tình trạng bạo lực và xu hướng sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Hai cuộc chiến của Mỹ tại Afghanistan (2001) và Iraq (2003), cũng như những chiến dịch không kích của

Nga và liên quân do Mỹ lãnh đạo chống IS tại Syria là những minh chứng cụ thể.

3.3. Sự đa dạng hơn của những mối đe dọa về an ninh sau Chiến tranh Lạnh

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh và các giai đoạn lịch sử trước đó, chính trị quốc tế chủ yếu tập trung vào các vấn đề chiến tranh và hòa bình, cạnh tranh quyền lực giữa các trung tâm chính trị - kinh tế lớn trên thế giới. Giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, hàng loạt vấn đề mới, có tính toàn cầu nổi lên như: Xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, chủ nghĩa khủng bố, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường,...

Chiến tranh Lạnh kết thúc kéo theo sự sụp đổ của thể tương quan hai cực trong hệ thống quốc tế đã tạo điều kiện cho những mâu thuẫn và xung đột dân tộc, tôn giáo có thời cơ bùng nổ [11, tr.147]. Trước đây, trong thế đôi đầu Xô - Mỹ, chính sách đối ngoại của các nước còn lại đều bị ảnh hưởng và chịu sự chi phối bởi môi trường Chiến tranh Lạnh. Hầu hết các biến động trên thế giới đều nằm trong vòng kiểm tỏa của trật tự thế giới lưỡng cực. Khi đó, mọi vấn đề về dân tộc, sắc tộc, tôn giáo,... cũng bị lấn át và che lấp bởi trạng thái đối đầu gay gắt Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây. Chiến tranh Lạnh kết thúc cũng là thời điểm các vấn đề này bùng phát ở nhiều nơi trên thế giới với những nguyên nhân và bối cảnh khác nhau. Joseph Nye đã nhận định *“xung đột sắc tộc và văn hóa thường có khuynh hướng gia tăng khi các bản sắc bị đe dọa từ những thay đổi trọng đại vốn đi liền với quá trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa”* [10, tr.376]. Ngoài ra, mâu thuẫn, xung đột về tôn giáo, sắc tộc thường mang đậm màu sắc bạo lực và khủng bố. Đặc điểm này được thể hiện rõ trong các cuộc khủng hoảng và xung đột có nguồn gốc tôn giáo, sắc tộc ở nhiều quốc gia và khu vực như: châu Phi, Balkan, Trung Đông, Liên bang Nam Tư (cũ), Sudan, Ấn Độ, Philippines,...

Vấn đề dân tộc, tôn giáo không chỉ đe dọa sự ổn định của quốc gia và khu vực mà còn gây căng thẳng trong quan hệ quốc tế. Bởi trong nhiều trường hợp, phía sau mỗi cuộc xung đột dân tộc, tôn giáo đều có sự đụng độ giữa nhiều thế lực. Thực tế cho thấy, xuất phát từ lợi ích quốc gia, các nước hoặc nhóm nước thường có xu hướng ủng hộ các dân tộc hoặc tôn giáo khác nhau, chính điều này đã làm cho các vấn đề về dân tộc và tôn giáo trở nên phức tạp cũng như đẩy quan hệ giữa các quốc gia vào tình trạng căng thẳng. Vấn đề thống nhất các dân tộc người Kurd sống phân tán ở một số quốc gia Trung Đông là một ví dụ tiêu biểu. Kurd là dân tộc thiểu số lớn nhất thế giới và là dân tộc lớn thứ tư ở Trung Đông sau các dân tộc Arab, Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư. Trong lịch sử dân tộc mình, người Kurd đã nhiều lần bị các dân tộc khác xâm lược và thống trị nên chưa bao giờ xây dựng thành một quốc gia - dân tộc Kurd độc lập của riêng mình. Hiện nay, người Kurd vẫn phân bố chủ yếu ở một số khu vực như: Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, phía Tây Iran, phía Bắc Iraq, Đông Bắc Syria và vùng Kavkaz. Đòi hỏi thành lập một quốc gia của người Kurd (Kurdistan) độc lập càng cao thì càng gây khó khăn cho các nước có liên quan, bởi mỗi nước lại theo đuổi lập trường và lợi ích riêng trong vấn đề này. Cho đến

nay, người Kurd vẫn là vấn đề lớn đối với các nước có liên quan trực tiếp tại khu vực này như Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ, Syria và Iran. Từ đầu những năm 1990 đến nay, đã có những xung đột vũ trang nổ ra giữa các lực lượng người Kurd với chính phủ Iraq và Thổ Nhĩ Kỳ, xung quanh nỗ lực đi tới việc thành lập một quốc gia Kurdistan độc lập. Tình hình lại trở nên phức tạp hơn nữa, khi chính phủ Iran và Syria kiên quyết chống lại việc thành lập một nhà nước Kurdistan độc lập, nhưng Israel thì ủng hộ và Mỹ không phản đối. Không chỉ thế, vấn đề người Kurd cũng trở thành một thách thức về an ninh phức tạp khi Thổ Nhĩ Kỳ tiến hành các chiến dịch tấn công vào lực lượng người Kurd ở Đông Bắc Syria trong tháng 10/2019 vừa qua. Diễn biến mới này đã khiến Mỹ, Nga, và Israel bị lôi kéo vào những dàn xếp ngoại giao, đe dọa trừng phạt kinh tế cũng như cam kết hậu thuẫn về nhân đạo và quân sự gây tranh cãi. Ở đây, các thách thức nảy sinh từ vấn đề dân tộc đã bị đẩy lên ở mức độ gay gắt hơn do bị lồng vào những mâu thuẫn và toan tính về quyền lực và ảnh hưởng của các nước lớn bên ngoài.

Bên cạnh đó, do yêu cầu phát triển kinh tế, các quốc gia trên thế giới đã đẩy nhanh tốc độ khai thác tài nguyên thiên nhiên, từ đó làm trầm trọng thêm các vấn đề về môi trường và tăng thêm thách thức cho sự phát triển bền vững. Dưới góc độ quan hệ quốc tế, việc cạnh tranh các nguồn lực như nguồn nước, nguồn năng lượng và các nguồn tài nguyên khác cũng làm nảy sinh các xung đột quốc tế, tạo ra những thách thức về an ninh. Sự khan hiếm tài nguyên đã thúc đẩy nhiều nước tiến hành các chính sách “ngoại giao tài nguyên” thông qua việc sử dụng các công cụ kinh tế, chính trị, ngoại giao và thậm chí là quân sự để kiểm soát các nguồn tài nguyên lớn, các đường cung cấp dầu mỏ quan trọng, gây ảnh hưởng và khống chế các quốc gia có nguồn tài nguyên dồi dào. Tại châu Á, những tranh chấp về nguồn nước giữa Ấn Độ và Trung Quốc tại khu vực sông Brahmaputra bắt nguồn từ vùng Tây Nam Tây Tạng hoặc những bất đồng giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á về vấn đề quản lý, sử dụng nguồn nước sông Mekong không chỉ liên quan tới an ninh con người và an ninh môi trường mà còn tác động đến an ninh quốc gia và khu vực.

Ngoài ra, các thách thức khác như bùng nổ dân số, biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế cũng gây sức ép lớn lên hàng loạt vấn đề như tăng trưởng kinh tế, môi trường sống, nguồn tài nguyên thiên nhiên, an sinh xã hội,... Ở quy mô quốc gia, tình trạng thất nghiệp, đình công, bạo loạn, tội phạm,... xảy ra gây nên sự bất ổn về xã hội. Trên phạm vi toàn cầu, bất ổn xã hội là điều kiện nuôi dưỡng chủ nghĩa cực đoan, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, khủng hoảng di dân làm cho môi trường an ninh quốc tế ngày càng căng thẳng hơn. Một trong những hệ lụy nghiêm trọng từ sự bất ổn tại các quốc gia Bắc Phi - Trung Đông trong làn sóng Mùa xuân Arab là cuộc khủng hoảng di dân lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2, với đỉnh điểm là những năm 2013 - 2015 và các con đư chắn tiếp tục gây nên nhiều tác động sâu sắc đối với môi trường an ninh của chính các quốc gia này và khu vực Bắc Phi, cũng như nhiều quốc gia châu Âu và thế giới. Cuộc khủng hoảng di dân này đã đánh một đòn chí tử vào tinh thần đoàn kết, sự ổn định nội khối, cũng như hệ giá trị mà EU theo đuổi khi các nước thành viên của

tổ chức này bắt đầu sâu sắc trong chính sách đối với người nhập cư đến từ Bắc Phi - Trung Đông. Hơn thế nữa, cuộc khủng hoảng di dân này cũng góp phần tạo khung cảnh cho sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy và dân tộc cực đoan ở một số nước châu Âu trong thời gian gần đây, gây nên làn sóng tiêu cực đối với hòa bình và an ninh thế giới.

Có thể nói, môi trường an ninh quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh đã trở nên phức tạp hơn trước rất nhiều. Các mối đe dọa về an ninh cũng đa dạng hơn trước, từ lĩnh vực an ninh truyền thống tới lĩnh vực an ninh phi truyền thống, thách thức sự an nguy của con người, sự ổn định của quốc gia và hòa bình thế giới. Trong số đó, vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân, khủng bố quốc tế, an ninh con người và sự suy thoái của môi trường hiện đang là những thách thức an ninh quốc tế lớn nhất và phức tạp nhất.

3.4. Tính phức tạp và khó kiểm soát hơn của các mối đe dọa về an ninh sau Chiến tranh Lạnh

Thứ nhất, do sự thay đổi trong trật tự thế giới, sự phân bố lực lượng và các trung tâm quyền lực trên thế giới sau Chiến tranh Lạnh. Nếu như trong Chiến tranh Lạnh, các quốc gia chỉ tập hợp lực lượng theo một trong hai phe và chính sách đối ngoại của quốc gia bị chi phối bởi trật tự hai cực Xô – Mỹ, thì trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, thế giới chịu tác động mạnh mẽ bởi quan hệ giữa nhiều trung tâm quyền lực như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, EU,... Trong cục diện thế giới đa cực, các trung tâm quyền lực đều nỗ lực tìm kiếm vị trí ngày càng cao nhằm duy trì và phát triển các lợi ích chiến lược của mình. Sự tranh giành ảnh hưởng giữa các trung tâm quyền lực đã tác động sâu sắc tới tình hình an ninh thế giới. Những vấn đề an ninh trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh được dàn xếp chủ yếu bởi hai cường quốc Liên Xô và Mỹ. Trong khi đó, các vấn đề an ninh thời hậu Chiến tranh Lạnh có sự dính líu của nhiều trung tâm quyền lực rất khác biệt về lập trường và lợi ích, nên khả năng kiểm soát và giải quyết cũng khó khăn hơn rất nhiều. Hơn nữa, quá trình hình thành trật tự thế giới mới luôn đi kèm với quá trình chia tách và tập hợp lực lượng. Nhiều liên kết bị tan rã hoặc thay đổi hình thức hoạt động, đồng thời nhiều liên kết mới được hình thành. Điều này thể hiện rõ qua các quá trình chính trị thế giới sau Chiến tranh Lạnh: Sự sụp đổ của Liên Xô, sự tan rã của Liên bang Nam Tư, sự hình thành các quốc gia mới, quá trình mở rộng EU, việc mở rộng phạm vi hoạt động của NATO, sự gia nhập vào các liên minh an ninh, phòng thủ tập thể của các nước trong không gian hậu Xô-viết,... Tuy nhiên, các quá trình này cũng luôn đi kèm với những bất đồng, mâu thuẫn giữa các bên và trong nhiều trường hợp kết thúc bằng các cuộc xung đột, như xung đột Kosovo (1998 - 1999), khủng hoảng Ukraine (2014),...

Thứ hai, do tính đa chủ thể của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh Lạnh. Sự vận động của các quan hệ quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa đã làm xuất hiện ngày càng nhiều loại hình chủ thể quan hệ quốc tế mới. Bên cạnh các quốc gia, có sự tham gia ngày phổ biến của các chủ thể phi quốc gia, đó là các tổ chức quốc tế liên chính phủ và phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế, tài chính, các công ty xuyên quốc gia, các tập đoàn truyền thông, các cộng đồng dân tộc, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức không chính thức, bất hợp pháp (kể cả các tổ chức tội phạm, mafia, khủng bố

Một mặt, sự tham gia của những chủ thể mới làm nảy sinh nhiều mối quan hệ quốc tế mới, làm cho nội dung, hình thức quan hệ ngày càng đa dạng, phong phú. Mặt khác, điều đó làm phức tạp hóa các mối quan hệ vốn dĩ đã không đơn giản, xung đột quốc tế do vậy cũng xuất hiện nhiều hơn, làm cho quan hệ quốc tế ngày càng trở nên khó dự báo, khó lường trước và các thách thức cũng khó giải quyết hơn. Các khái niệm cơ bản gắn với quốc gia như an ninh, chủ quyền, sức mạnh, lực lượng, cân bằng lực lượng cần phải được điều chỉnh và áp dụng một cách linh hoạt trong quan hệ với các chủ thể phi quốc gia.

Thứ ba, do các thách thức về an ninh thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh có khả năng lan tỏa nhanh hơn trước, có thể chuyển hóa lẫn nhau và tác động cộng hưởng giữa các nguy cơ ngày càng rõ dưới tác động của toàn cầu hóa, sự phát triển của mạng internet, sự thuận tiện trong giao thông và liên lạc,... Bất cứ thách thức nào trong hàng loạt các mối đe dọa an ninh truyền thống như xung đột vũ trang, xung đột tôn giáo – sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố, tranh chấp lãnh thổ/ lãnh hải, nội chiến,... hay các mối đe dọa phi truyền thống như chênh lệch trình độ phát triển, sự yếu kém của bộ máy chính quyền, tình trạng nghèo đói, tội phạm xuyên quốc gia, môi trường suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, bệnh dịch, khủng hoảng di dân,... đều có thể là nguyên nhân làm nảy sinh các mối đe dọa an ninh còn lại với tốc độ lan tỏa rất nhanh chóng và phạm vi ảnh hưởng rộng khắp. Ngoài ra, tính phức tạp và khó kiểm soát của các mối đe dọa về an ninh thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh còn có nguyên nhân từ sự phức tạp ở ngay bản thân mỗi thách thức, và không phải khi nào cũng có thể phân biệt rạch ròi được đâu là thách thức an ninh truyền thống và đâu là thách thức an ninh phi truyền thống bởi chúng có thể chồng xếp, đan cài và chuyển hóa cho nhau. Chẳng hạn, khi xem xét hiện tượng chủ nghĩa khủng bố, từ góc độ chủ thể tiến hành thì đó là thách thức an ninh phi truyền thống (do chủ thể phi nhà nước tiến hành), nhưng từ góc độ hành vi lại là thách thức an ninh truyền thống (sử dụng bạo lực). Hoặc bạo loạn chính trị, nếu xét về bản chất sử dụng vũ lực là thách thức an ninh truyền thống, nhưng nếu xét trên phương thức sử dụng công nghệ mạng internet truyền tin gây hiệu ứng nhanh để tập hợp thành đám đông, lại là thách thức an ninh phi truyền thống.

4. Kết luận

Có thể nói rằng, trong lịch sử của mình, chưa có khi nào nhân loại đạt được những bước tiến dài trên con đường phát triển như ngày nay. Tuy nhiên, cũng chưa bao giờ con người phải đối mặt với nhiều nguy cơ đe dọa đến chính sự tồn vong của mình như bây giờ. Chiến tranh Lạnh kết thúc, toàn cầu hóa và sự tùy thuộc lẫn nhau tăng lên, với tư duy mới của các quốc gia về an ninh và phát triển, cùng sự phổ biến của các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt và những trải nghiệm đau thương về chiến tranh trong lịch sử, khả năng về một cuộc chiến tranh thế giới hay đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc bị đẩy lùi.

Mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, nhưng xung đột cũng vẫn là một trong những quá trình cơ bản của quan hệ quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Các cuộc xung đột vũ trang với những nguyên nhân khác nhau

vẫn tiếp diễn gay gắt và tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường. Bên cạnh đó, cộng đồng quốc tế phải đối mặt đồng thời với nhiều biến động và thách thức mới, đa chiều, phức tạp, đe dọa đến an ninh con người, an ninh quốc gia cũng như hòa bình thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên, thế giới dường như trở nên nhỏ bé hơn nhưng lại khó kiểm soát hơn và kém an toàn hơn, bởi không chỉ các mối đe dọa an ninh truyền thống mà còn vì các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Các thách thức an ninh này có mức độ nguy hiểm cao hơn, sức ảnh hưởng lớn hơn, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn, tốc độ lây lan nhanh hơn và có khả năng chuyển hóa lẫn nhau hết sức phức tạp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, truy cập ngày 10/11/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-viii-cua-dang-1549>.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, truy cập ngày 10/11/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xi-cua-dang-1526>.
- [4] John Baylis, Steve Smith & Patricia Owens, *The Globalization of World Politics: An Introduction to International Relations* (5th ed.), Oxford University Press, 2011.
- [5] Nữ Tiên Chung, *Dự báo chiến lược thế kỷ XXI* (dịch giả: Quách Hải Lượng & Trần Xuân Nhiễm), Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, 2002.
- [6] Nguyễn Vũ Tùng (chủ biên), *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, tập II (1975-2006), Hà Nội, 2007.
- [7] David Capie & Paul Evans, *Thuật ngữ an ninh châu Á – Thái Bình Dương* (nhóm dịch giả: Học viện Quan hệ Quốc tế), Hà Nội, 2003.
- [8] <https://www.cartercenter.org/resources/pdfs/factsheets/conflicts-facts.pdf>, truy cập ngày 25/11/2019.
- [9] https://www.pcr.uu.se/digitalAssets/667/c_667494-l_1-k_armed-conflict-by-conflict-type--1946-2018jpg.jpg, truy cập ngày 30/11/2019.
- [10] Joseph Nye, *Nhập môn xung đột quốc tế: Các vấn đề lý thuyết và lịch sử* (nhóm dịch giả: Khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao, Học viện Ngoại giao), Hà Nội, 2012.
- [11] Phạm Bình Minh (chủ biên), *Cục diện thế giới đến 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

(BBT nhận bài: 03/12/2019, hoàn tất thủ tục phản biện: 05/02/2020)